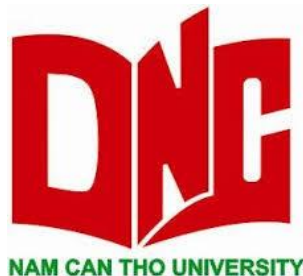


TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA KINH TẾ



PHẠM NGUYỄN MAI DUYÊN

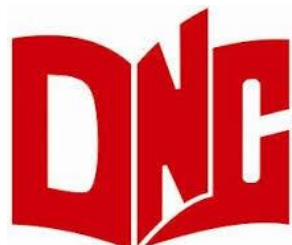
**PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHO VAY
TIÊU DÙNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN - CHI NHÁNH CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2022 – 2024**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
Ngành: Tài chính – ngân hàng
Mã số ngành: 7340201**

10 – 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA KINH TẾ



NAM CAN THO UNIVERSITY

PHẠM NGUYỄN MAI DUYÊN

MSSV: 2110772

**PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHO VAY
TIÊU DÙNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN - CHI NHÁNH CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2022 - 2024**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Ngành: Tài chính – ngân hàng

Mã số ngành: 7340201

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

ThS. NGUYỄN TRẦN TRỌNG VINH

10 – 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	ii
1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	1
2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	2
2.1 Mục tiêu tổng quát.....	2
2.2 Mục tiêu cụ thể	2
3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	2
3.1 Đối tượng nghiên cứu	2
3.2 Phạm vi thời gian.....	2
3.3 Phạm vi không gian	2
4. CƠ SỞ LÝ LUẬN	2
4.1 Hoạt động cho vay tiêu dùng tại NHTM	2
4.1.1 Khái niệm cho vay tiêu dùng.....	2
4.1.2 Đặc điểm của cho vay tiêu dùng	3
4.1.3 Lợi ích của hoạt động cho vay tiêu dùng	4
4.1.4 Phân loại cho vay tiêu dùng	4
4.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay tiêu dùng.....	6
4.2.1 Các nhân tố khách quan.....	6
4.2.2 Các nhân tố chủ quan	6
4.3 Những chỉ tiêu đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng	7
4.3.1 Doanh số cho vay tiêu dùng	7
4.3.2 Doanh số thu nợ.....	7
4.3.3 Dư nợ	7
4.3.4 Nợ xấu	7
4.3.5 Các chỉ số đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng	7
5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	8
5.1 Phương pháp thu thập số liệu	8
5.2 Phương pháp so sánh	9
5.3 Phương pháp thống kê mô tả	9
6. CẤU TRÚC DỰ KIẾN CỦA ĐỀ TÀI	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	11

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CVTD	Cho vay tiêu dùng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
TMCP	Thương mại cổ phần

1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sự phát triển không ngừng nghỉ của nền kinh tế, đời sống xã hội cũng ngày càng được nâng cao, vì thế nhu cầu chi tiêu phục vụ đời sống của người dân ngày càng cao, đó cũng là điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngân hàng nói chung, lĩnh vực cho vay tiêu dùng nói riêng. Khuyến khích tín dụng tiêu dùng là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới. Ở các nước phát triển, tỷ lệ tín dụng tiêu dùng chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 60-70% tổng dư nợ cho vay. Với thị trường hơn 100 triệu dân như nước ta, tín dụng tiêu dùng vẫn còn nhiều khía cạnh để phát triển. Do đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam rất quan tâm tín dụng tiêu dùng vì hoạt động này không chỉ đáp ứng những nhu cầu chi tiêu của người dân, góp phần kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tạo động lực tăng trưởng kinh tế mà còn được xem là một giải pháp giúp giảm quy mô và hạn chế hoạt động “tín dụng đen”.

Dựa vào những số liệu mới thì NHNN Việt Nam cho biết, hoạt động tín dụng tiêu dùng những năm qua đã có bước phát triển mạnh cả về quy mô và mức độ đa dạng sản phẩm, dịch vụ. Đến nay, tổng dư nợ cho vay phục vụ đời sống, tiêu dùng tại Việt Nam đã đạt khoảng 2,8 triệu tỷ đồng, tương đương 20% tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế, trở thành một phần quan trọng trong cơ cấu tín dụng. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay phục vụ đời sống, tiêu dùng bình quân giai đoạn từ năm 2010 đến nay luôn cao hơn tốc độ tăng dư nợ tín dụng chung của toàn nền kinh tế. Dù vậy, hoạt động tín dụng tiêu dùng ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế và gặp nhiều thách thức, hoạt động tín dụng tiêu dùng là một trong những hoạt động tín dụng có mức rủi ro khá cao. Theo số liệu có được, tỷ lệ nợ xấu trong tín dụng tiêu dùng có xu hướng gia tăng, đến cuối tháng 2/2024 vào khoảng 4,1%, trong khi từ năm 2018 đến năm 2023 chỉ khoảng trên 3%. Xét riêng về nợ xấu trong dư nợ cho vay đời sống tiêu dùng vào khoảng 3,7%, trong khi năm 2022 khoảng 2%. Hoạt động tín dụng là một lĩnh vực quan trọng trong hoạt động của ngân hàng, quan hệ tín dụng có tác động rất nhiều trong mọi hoạt động kinh tế, còn là nguồn sinh lời chủ yếu, quyết định sự tồn tại và phát triển của ngân hàng. Vì thế, việc phòng ngừa và xử những rủi ro tín dụng là vấn đề tất yếu, nếu không sẽ đe dọa đến tính ổn định và an toàn của ngân hàng cũng như ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Từ những quan tâm của NHNN về việc phát triển mở rộng cho vay tiêu dùng và thực trạng của hoạt động tín dụng tiêu dùng hiện nay, cùng với trải nghiệm thực tế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ, là một trong những ngân hàng có dư nợ hoạt động cho vay nhiều nhất, trong đó sản phẩm cho vay tiêu dùng khá phổ biến. Có được cơ hội đi sâu vào thị trường cho vay tiêu dùng, phân tích những khía cạnh lợi ích, rủi ro đồng thời giúp ngân hàng đánh giá hiệu quả hoạt động của cho vay tiêu dùng và có thể đề ra những sáng kiến, giải pháp quản lý nâng cao chất lượng, hạn chế rủi ro tín dụng cho vay tiêu dùng. Vì vậy, em chọn thực hiện đề

tài “*Phân tích thực trạng cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2024*” để làm đề tài luận văn.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

2.1 Mục tiêu tổng quát

Phân tích thực trạng cho vay tiêu dùng (CVTD) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Tìm ra các ưu, nhược điểm của hoạt động này, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu tổng quát, nội dung nghiên cứu sẽ hướng đến những mục tiêu sau:

- Tổng hợp cơ sở lý luận về hoạt động CVTD của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển.
- Phân tích thực trạng CVTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển thông qua số liệu thống kê giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024.
- Đánh giá kết quả hoạt động CVTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển thông qua các chỉ tiêu về doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cho vay, nợ xấu, hệ số thu nợ, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ và vòng quay vốn tín dụng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động CVTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển.

3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1 Đối tượng nghiên cứu

- Hoạt động CVTD của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển.
- Các báo cáo tổng quát về tình hình hoạt động CVTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển.

3.2 Phạm vi thời gian

Do thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên phạm vi nghiên cứu chỉ tập trung chủ yếu vào lĩnh vực CVTD qua 3 năm gần nhất từ năm 2022 đến năm 2024.

3.3 Phạm vi không gian

Đề tài được thực hiện trong quá trình thực tập tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Cần Thơ.

4. CƠ SỞ LÝ LUẬN

4.1 Hoạt động cho vay tiêu dùng tại NHTM

4.1.1 Khái niệm cho vay tiêu dùng

Cho vay tiêu dùng là hình thức cấp tín dụng rất hữu ích mà Ngân hàng mang đến cho khách hàng. Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư 43/2016/TT-NHNN, được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư 18/2019/TT-NHNN có giải thích CVTD là việc công ty tài chính cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng là cá nhân hoặc

hộ gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu vốn mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng của khách hàng hoặc gia đình khách hàng.

Như vậy, CVTD nhằm hỗ trợ giải quyết những khó khăn liên quan đến tài chính phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của khách hàng với nguyên tắc hoàn trả cả tiền gốc và lãi suất trong thời gian nhất định. Khoản vay tiêu dùng có thể được sử dụng cho đa dạng mục đích từ trả góp, mua sắm đồ gia dụng, phương tiện đi lại cho đến trả học phí, chi phí khám bệnh, đi du lịch,... giúp khách hàng có thể sử dụng hàng hóa, dịch vụ trước khi họ có khả năng chi trả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống hơn.

4.1.2 Đặc điểm của cho vay tiêu dùng

- Quy mô cho vay: Các khách hàng tìm đến ngân hàng với mục đích vay tiêu dùng thường có nhu cầu vốn không lớn lắm thậm chí còn rất nhỏ, từ vài triệu đến vài trăm triệu đồng, trường hợp khách hàng vay tiêu dùng với giá trị lên đến vài chục tỷ đồng như với các món vay cho mục đích kinh doanh là rất ít, và khi xác định mua sắm bất cứ vật dụng gì thì người tiêu dùng phải có một khoản tích lũy từ trước do ngân hàng không bao giờ cho vay 100% nhu cầu vốn. Tuy nhiên số lượng các khoản vay tiêu dùng là lớn do đối tượng của vay tiêu dùng là mọi tầng lớp dân cư trong xã hội.

- CVTD có chi phí khá lớn: Quy mô khoản vay nhỏ mà số lượng khoản vay tương đối cao, thời gian vay thường không dài nên việc thẩm định tài chính khách hàng tốn nhiều thời gian và chi phí. Bên cạnh đó quản lý sau cho vay cũng là một vấn đề lớn mà ngân hàng gặp phải do quy mô món vay nhỏ nhưng số lượng các khoản vay lại lớn, vì thế việc kiểm soát về tình hình thu nhập và khả năng tài chính của từng khách hàng đối với tất cả các món vay không phải là điều dễ dàng.

- CVTD tăng giảm theo chu kỳ: CVTD biến động theo chu kỳ của nền kinh tế, khi nền kinh tế phát triển sẽ kéo theo tiềm năng lợi nhuận lớn thì ngân hàng sẽ thúc đẩy cho vay. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái sẽ kéo theo thất nghiệp và lạm phát tăng cao, làm cho khách hàng hạn chế việc vay vốn từ ngân hàng.

- Nguồn trả nợ vay tiêu dùng luôn biến động: Các yếu tố như mức chênh lệch giữa lương, thưởng thu nhập với chi phí sinh hoạt cá nhân là nguồn hoàn trả nợ của khách hàng và luôn có sự biến động nhất định. Nguyên nhân biến động là vì đối tượng của các hoạt động CVTD là các cá nhân, hộ gia đình nên bên cạnh các yếu tố khách quan từ bên ngoài như thiên tai, mất mùa, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, còn có các yếu tố chủ quan từ chính người tiêu dùng, do vậy ngân hàng cũng sẽ gặp nhiều rủi ro cho việc thu hồi nợ.

- Chất lượng thông tin khách hàng: Uy tín của khách hàng sẽ ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ của ngân hàng. Những khách hàng có việc làm, mức thu nhập ổn định và có trình độ học vấn là những tiêu chí quan trọng để ngân hàng quyết định cho vay. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin các nhóm khách hàng khó đầy đủ và chính

xác, phụ thuộc vào đạo đức, thiện chí của khách hàng do đó thường dẫn đến những rủi ro tín dụng cho ngân hàng.

- Lãi suất: Các khoản CVTD có lãi suất cao hơn các khoản cho vay đối với doanh nghiệp. Về lợi nhuận, do cho vay tiêu dùng luôn tiềm ẩn rủi ro ở mức cao, vì thế lợi nhuận kỳ vọng mang lại từ nguồn CVTD cũng lớn.

4.1.3 Lợi ích của hoạt động cho vay tiêu dùng

- Đối với người tiêu dùng: CVTD giúp nâng cao cơ hội tiếp cận tài chính cho người dân, đặc biệt là những người dân có thu nhập thấp và trung bình, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống. Đồng thời gia tăng sự hiểu biết về tài chính cho các nhóm khách hàng mới, tầng lớp dân cư ít tiếp cận các dịch vụ ngân hàng. Từ đó, giúp họ quản lý tốt hơn các giao dịch tài chính cá nhân, cũng như tạo nền tảng để họ có thể sẵn sàng sử dụng các dịch vụ tài chính khác bao gồm các dịch vụ ngân hàng truyền thống.

- Đối với ngân hàng: Các sản phẩm CVTD giúp ngân hàng đa dạng danh mục sản phẩm khách hàng cá nhân, giúp tăng khả năng cạnh tranh giữa các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, thu hút được nhiều khách hàng mới. Ngoài ra, đối tượng của CVTD là cá nhân, hộ gia đình, và mức độ thu hồi nợ phụ thuộc nhiều vào thiện chí của khách hàng nên các khoản CVTD có độ rủi ro và chi phí cao nhưng vẫn được các ngân hàng tập trung khai thác và phát triển vì lợi nhuận mà dịch vụ này đem lại cho ngân hàng cũng cao tương ứng với mức độ rủi ro của nó.

- Đối với nền kinh tế xã hội: CVTD được xem là một công cụ quan trọng làm kích cầu tiêu dùng do nó hỗ trợ cho chi tiêu về hàng hóa và dịch vụ trong nước. Qua đó làm tăng sản lượng và tạo thêm các cơ hội việc làm, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của quốc gia, nâng cao đời sống người dân. CVTD phát triển còn làm giảm nhu cầu đối với các dịch vụ tín dụng phi chính thức, sẽ hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, “tín dụng đen”.

4.1.4 Phân loại cho vay tiêu dùng

CVTD được phân thành nhiều loại khác nhau phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường khách hàng, cụ thể như sau:

a) Căn cứ vào hình thức vay

- Vay tín chấp: là hình thức vay vốn không cần tài sản đảm bảo. Thay vào đó, ngân hàng sẽ xét duyệt khoản vay dựa trên mức độ uy tín của người vay. Mức độ uy tín này thường được xác định dựa trên các yếu tố cơ bản như: Thu nhập, lịch sử tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng.

- Vay thế chấp: là hình thức vay tiền sử dụng tài sản có giá trị để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của người vay. Trường hợp người vay vi phạm các điều khoản của hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp với ngân hàng, bên ngân hàng được thực hiện quyền thu hồi nợ vay theo các điều khoản đã ký kết. Tài sản thế chấp khá đa

dạng, có thể bao gồm: Bất động sản đã có giấy chứng nhận, ô tô, sổ tiết kiệm hoặc trái phiếu...

b) Căn cứ vào mục đích vay

- CVTD cư trú: Là các khoản vay nhằm tài trợ nhu cầu mua sắm, cải tạo hoặc xây dựng nhà ở của khách hàng cá nhân hoặc hộ gia đình. Đây là khoản vay vốn có giá trị lớn và có thời hạn kéo dài.

- CVTD phi cư trú: Là các khoản cho vay nhằm hỗ trợ cho việc trang trải các chi phí như chi phí mua sắm xe, đồ dùng gia đình, chi phí cho học hành, giải trí, du lịch... Các khoản vay này có tính chất nhỏ lẻ và thời hạn ngắn.

c) Căn cứ vào phương thức hoàn trả

- CVTD trả góp: Đây là hình thức cho vay trong đó người đi vay trả nợ bao gồm cả gốc và lãi cho ngân hàng nhiều lần, theo những kỳ hạn nhất định trong thời hạn cho vay, phương thức này thường áp dụng cho các khoản vay có giá trị lớn hoặc thu nhập từng kỳ của người đi vay không đủ để thanh toán hết một lần số nợ vay.

- CVTD phi trả góp: Đây là hình thức mà tiền vay được khách hàng thanh toán chỉ một lần khi đến hạn. Thường thì các khoản vay tiêu dùng phi trả góp được cấp cho các nhu cầu vay nhỏ và thời hạn không dài. Lãi suất được áp dụng trong phương thức cho vay này thường cố định trong suốt hợp đồng tín dụng.

- CVTD tuần hoàn: Là khoản vay trong đó ngân hàng cho phép khách hàng sử dụng thẻ tín dụng hoặc ngân hàng phát hành loại séc cho phép thấu chi dựa trên số tiền trên tài khoản vãng lai. Theo phương thức này, trong thời hạn tín dụng được thỏa thuận trước, căn cứ vào nhu cầu chi tiêu và thu nhập kiếm được từng kỳ, khách hàng được ngân hàng cho phép thực hiện việc vay và trả nợ nhiều kỳ một cách tuần hoàn, theo một hạn mức tín dụng.

d) Căn cứ vào nguồn gốc của khoản vay

- CVTD gián tiếp: Là hình thức cho vay trong đó ngân hàng mua các khoản nợ phát sinh do những công ty bán lẻ đã bán chịu hàng hoá hay dịch vụ cho người tiêu dùng, hình thức này ngân hàng cho vay thông qua các doanh nghiệp bán hàng hoặc làm các dịch vụ mà không trực tiếp tiếp xúc với khách hàng. Ưu điểm của loại hình này là các ngân hàng dễ dàng mở rộng và tăng doanh số cho vay, sẽ tiết kiệm và giảm được các chi phí cho vay, đồng thời mở rộng mối quan hệ với khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khác của ngân hàng.

- CVTD trực tiếp: Là các khoản vay tiêu dùng mà trong đó ngân hàng trực tiếp làm việc với khách hàng. Các quy trình từ thẩm định hồ sơ vay vốn đến thu hồi nợ đều được thực hiện bởi ngân hàng. Trong phương thức này ngân hàng có thể sử dụng triệt để trình độ, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của cán bộ tín dụng, do đó các khoản cho vay này thường có chất lượng cao hơn so với cho vay thông qua doanh nghiệp bán lẻ. Hình thức CVTD trực tiếp linh hoạt hơn hình thức cho vay gián tiếp, vì khi quan hệ trực tiếp giữa ngân hàng với khách hàng sẽ xử lý tốt các phát sinh, hơn

nữa có khả năng làm thoả mãn quyền lợi cho cả ngân hàng và khách hàng. Và do đối tượng khách hàng rất rộng, vì thế việc đưa ra các dịch vụ, tiện ích mới là rất thuận lợi, đồng thời là hình thức để tăng cường quảng bá hình ảnh của ngân hàng đến với khách hàng.

4.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay tiêu dùng

4.2.1 Các nhân tố khách quan

a) Môi trường kinh tế

Khi nền kinh tế phát triển tốt, mức sống của người dân được nâng cao, thu nhập cao hơn do đó nhu cầu cũng phong phú và đa dạng hơn. Vì vậy, tạo điều kiện cho các hoạt động tín dụng của ngân hàng phát triển hơn. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, lãi suất tăng lên hoặc lạm phát xảy ra, đồng tiền bị mất giá, giá cả hàng hóa sản phẩm tăng cao nhưng thu nhập không tăng nhiều hoặc giảm thì khi đó nhu cầu chi tiêu của người tiêu dùng giảm dẫn đến hoạt động cho vay tiêu dùng của ngân hàng gặp khó khăn.

b) Chính trị - Pháp luật

- Chính trị: môi trường chính trị ổn định, không xảy ra xung đột, đảo chính hay nội chiến sẽ tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, an toàn thì hoạt động của ngân hàng cũng sẽ thuận lợi.

- Pháp luật: hoạt động kinh doanh của ngân hàng chịu tác động bởi rất nhiều các quy định của Nhà nước. Các quy định pháp lý của NHNN và chính phủ có thể khuyến khích và cũng có thể hạn chế cho vay nói chung và cho vay tiêu dùng nói riêng. Đó là các quy định của NHNN không chế các NHTM trong việc huy động theo tỷ lệ vốn tự có, quy định tỷ lệ cho vay tối đa đối với một khách hàng trên vốn tự có.

c) Đối thủ cạnh tranh

Những tổ chức tài chính hoạt động trong cùng lĩnh vực, cùng chia sẻ lợi nhuận với ngân hàng như: các ngân hàng khác, các công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân... Các tổ chức tài chính luôn tranh đua và dùng mọi biện pháp để tạo lợi thế cạnh tranh, xâm nhập thị phần của nhau. Vì thế ngân hàng luôn phải đa dạng hóa kinh doanh, tung sản phẩm mới, các hình thức CVTD mới để thu hút khách hàng, tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt.

d) Khách hàng

Tư cách đạo đức của khách hàng thể hiện ở thiện chí trả nợ của khách hàng, khách hàng có khả năng tài chính tốt nhưng không có thiện chí trả nợ thì ngân hàng cũng khó để thu hồi các khoản cho vay. Khi đó rủi ro mà hoạt động CVTD mang lại là rất cao, dịch vụ CVTD này phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí của khách hàng.

4.2.2 Các nhân tố chủ quan

a) Nguồn tài chính

Khi quy mô huy động vốn lớn, ngân hàng có khả năng cho vay càng nhiều. Nếu chi phí huy động vốn thấp thì ngân hàng sẽ có điều kiện cho khách hàng vay với mức

lãi suất cạnh tranh. Điều này tạo thuận lợi cho mở rộng hoạt động tín dụng nói chung và CVTD nói riêng.

b) Quy trình, thủ tục cấp tín dụng

Quy trình, thủ tục cấp tín dụng của ngân hàng cũng ảnh hưởng đến khả năng mở rộng cho vay. Khi ngân hàng có thủ tục cấp tín dụng nhanh gọn, không gây phiền hà cho khách hàng thì hoạt động cho vay sẽ thuận lợi và phát triển tốt hơn. Tuy nhiên, các ngân hàng không thể vì thế mà cắt giảm những thủ tục quan trọng liên hệ trực tiếp đến việc đánh giá rủi ro của khoản vay, vì như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của ngân hàng.

c) Trình độ của cán bộ tín dụng

Cán bộ tín dụng là người tiếp xúc, làm việc trực tiếp với khách hàng, thẩm định khách hàng. Một ngân hàng có đội ngũ cán bộ tín dụng chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, nhiệt tình sẽ nâng cao chất lượng hoạt động cho vay của ngân hàng, giúp ngân hàng thành công cũng như mở rộng hoạt động CVTD hơn.

4.3 Những chỉ tiêu đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng

4.3.1 Doanh số cho vay tiêu dùng

Doanh số cho vay là chỉ tiêu phản ánh tất cả các khoản tín dụng mà ngân hàng cho khách hàng vay không kể đến việc món vay đó thu hồi về được hay chưa trong một thời gian nhất định, thường ngân hàng tổng kết và xác định định kỳ, quý, năm.

4.3.2 Doanh số thu nợ

Nó là chỉ tiêu phản ánh tất cả các khoản tín dụng mà ngân hàng thu về được từ phía khách hàng khi đáo hạn vào một thời điểm nhất định nào đó.

4.3.3 Dư nợ

Dư nợ là chỉ tiêu phản ánh số nợ mà ngân hàng đã cho vay và chưa thu được vào một thời điểm nhất định. Để xác định được dư nợ, ngân hàng sẽ so sánh giữa hai chỉ tiêu doanh số cho vay và doanh số thu nợ.

4.3.4 Nợ xấu

Là chỉ tiêu phản ánh các khoản nợ đến hạn mà khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng và không có lý do chính đáng. Khi đó ngân hàng sẽ chuyển các khoản dư nợ sang nợ xấu.

4.3.5 Các chỉ số đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng

a) Chỉ số dư nợ CVTD trên tổng dư nợ hoạt động cho vay của ngân hàng

$$\text{Tỷ trọng (\%)} = \frac{\text{Tổng dư nợ CVTD}}{\text{Tổng dư nợ hoạt động cho vay}}$$

Chỉ tiêu này cho ta biết dư nợ CVTD chiếm bao nhiêu trong tổng số dư nợ của toàn bộ hoạt động cho vay ngân hàng tức là phản ánh quy mô của CVTD. Dựa vào tỷ trọng này ngân hàng có thể điều chỉnh dư nợ CVTD phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn.

b) Chỉ tiêu phản ánh doanh thu CVTD

Lợi nhuận luôn là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung và ngân hàng nói riêng. Do vậy, không thể bỏ qua tiêu chí này khi đánh giá hoạt động CVTD của ngân hàng. Cụ thể dựa trên chỉ số như sau:

$$\text{Tỷ trọng doanh thu CVTD (\%)} = \frac{\text{Doanh thu từ hoạt động CVTD}}{\text{Tổng doanh thu từ hoạt động tín dụng}}$$

Chỉ tiêu này cho phép đánh giá tầm quan trọng của hoạt động CVTD trong mối quan hệ với hoạt động tín dụng ngân hàng. Nếu tỷ trọng này cao chứng tỏ hầu hết lợi nhuận từ hoạt động tín dụng ngân hàng đạt được từ hoạt động CVTD. Tuy nhiên điều đó cũng đồng nghĩa với việc ngân hàng đang phải đối mặt với những rủi ro tiềm tàng.

c) Hệ số thu nợ của CVTD

$$\text{Hệ số thu nợ} = \frac{\text{Doanh số thu nợ CVTD}}{\text{Doanh số CVTD}}$$

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả tín dụng trong việc thu nợ của ngân hàng. Nó phản ánh trong một thời kỳ nào đó, với doanh số cho vay nhất định thì ngân hàng sẽ thu về bao nhiêu đồng vốn.

d) Vòng quay vốn tín dụng

$$\text{Vòng quay vốn tín dụng} = \frac{\text{Doanh số thu nợ CVTD}}{\text{Dư nợ bình quân}}$$

Trong đó: Dư nợ bình quân = (Dư nợ đầu kỳ + Dư nợ cuối kỳ)/2

Vòng quay vốn tín dụng dùng để đo lường tốc độ luân chuyển vốn tín dụng của ngân hàng, thời gian thu hồi nợ của ngân hàng là nhanh hay chậm. Vòng quay vốn tín dụng càng nhanh thì được coi là tốt và việc kinh doanh càng được an toàn.

e) Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu (\%)} = \frac{\text{Nợ xấu CVTD}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Chỉ số này được sử dụng để đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu cao thể hiện sự giảm sút thu nhập ở hiện tại, do các khoản dư nợ này không còn mang lại lợi nhuận hoặc lợi nhuận mang lại không đáng kể. thông thường chỉ tiêu này nằm ở mức dưới 3% thì được coi là an toàn.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5.1 Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ về doanh số cho vay, doanh số thu nợ, nguồn vốn huy động, nợ xấu, kết quả hoạt động của ngân hàng qua các năm 2022, 2023 và 2024.

- Tìm kiếm các thông tin cần thiết từ các tạp chí, sách, giáo trình để phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài.

5.2 Phương pháp so sánh

Là phương pháp xem xét một chỉ tiêu dựa trên việc so sánh với một chỉ tiêu cơ sở (chỉ tiêu gốc).

- Phương pháp so sánh số tuyệt đối: Là so sánh mức độ đạt được của chỉ tiêu kinh tế ở những khoảng thời gian và không gian khác nhau nhằm đánh giá sự biến động về quy mô, khối lượng của chỉ tiêu kinh tế đó, đây là cơ sở để tính toán các loại số khác. Được xác định trên cơ sở so sánh trị số của chỉ tiêu giữa 2 kỳ: kỳ phân tích và kỳ gốc.

Công thức tính:

$$\Delta y = y_1 - y_0$$

Trong đó:

y_0 : chỉ tiêu năm trước

y_1 : chỉ tiêu năm sau

Δy : là phần chênh lệch tăng, giảm của các chỉ tiêu kinh tế

- Phương pháp so sánh số tương đối: là tỷ lệ phần trăm (%) của chỉ tiêu kỳ phân tích so với chỉ tiêu gốc để thể hiện mức độ hoàn thành hoặc tỷ lệ của số chênh lệch tuyệt đối so với chỉ tiêu gốc để nói lên tốc độ tăng trưởng.

Công thức tính:

$$\Delta y = \frac{y_1 - y_0}{y_0}$$

Trong đó:

y_0 : chỉ tiêu năm trước

y_1 : chỉ tiêu năm sau

Δy : là phần chênh lệch tăng, giảm của các chỉ tiêu kinh tế

5.3 Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp được định nghĩa là các hệ số mô tả ngắn gọn hay tóm tắt một tập dữ liệu nhất định, có thể là đại diện cho toàn bộ hoặc một mẫu của một tổng thể.

6. CẤU TRÚC DỰ KIẾN CỦA ĐỀ TÀI

Đề tài này tiến hành phân tích thực trạng cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ thông qua việc phân tích thực trạng và đánh giá kết quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thông qua các tỷ số tài chính. Từ những đánh giá đó, đề tài đề xuất các biện pháp giúp ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng. Do đó, đề tài dự kiến có cấu trúc như sau:

Chương 1: Giới thiệu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Giới thiệu về Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ

Chương 4: Phân tích thực trạng cho vay tiêu dùng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cần Thơ

Chương 5: Một số biện pháp hạn chế và phòng ngừa rủi ro cho vay tiêu dùng của Ngân hàng

Chương 6: Kết luận và kiến nghị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hải Nam (2024), *Cho vay tiêu dùng có cơ hội mở rộng*. <https://tapchichungkhoan.vn/tai-chinh---ngan-hang/cho-vay-tieu-dung-co-co-hoi-mo-rong-d111-t39919.html>, truy cập ngày 15/04/2024.
2. Hồng Anh (2024), *Nâng cao tính lành mạnh của cho vay tiêu dùng*. <https://nhandan.vn/nang-cao-tinh-lanh-manh-cua-cho-vay-tieu-dung-post805825.html>, truy cập ngày 22/04/2024.
3. Nguyễn Đức Thành (2018), *Phân tích tình hình cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình*. Luận văn Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng. Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.
4. Nguyễn Minh Kiều (2015), *Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại*. Xuất bản lần thứ ba. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. 861 trang.
5. Minh Phương (2023), *Cho vay tiêu dùng đang gặp khó do nợ xấu tăng cao*. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/cho-vay-tieu-dung-dang-gap-kho-do-no-xau-tang-cao-650816.html>, truy cập ngày 31/10/2023.

